

Phụ lục 01: Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

1. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Lĩnh vực	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành VB	Tổ hợp xét tuyển	Năm bắt đầu đào tạo
	Tổng số		1775				
1	Kinh doanh và quản lý		1010				
1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	240	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	A00,A01,D01,D07	1961
1.2	Marketing	7340115	60	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	A00,A01,D01,D07	1986
1.3	Thương mại điện tử	7340122	150	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	A00,A01,D01,D07	2018
1.4	Tài chính - Ngân hàng	7340201	80	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	A00,A01,D01,D07	1961
1.5	Kế toán	7340301	180	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	A00,A01,D01,D07	1961
1.6	Kiểm toán	7340302	150	40/QĐ-ĐHKQTĐ	10/1/2020	A00,A01,D01,D07	2020
1.7	Khoa học quản lý	7340401	50	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	A00,A01,D01,D07	2018
1.8	Quản lý công	7340403	50	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	A00,A01,D01,D07	2022
1.9	Quản trị nhân lực	7340404	50	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	A00,A01,D01,D07	1993
2	Pháp luật		70				
2.1	Luật	7380101	35	1209/QĐ-BGDĐT	10/3/2004	A00,A01,D01,D07	1995
2.2	Luật kinh tế	7380107	35	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	A00,A01,D01,D07	2016
3	Máy tính và công nghệ thông tin		70				
3.1	Công nghệ thông tin	7480201	70	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	A00,A01,D01,D07	2022
4	Công nghệ kỹ thuật		65				
4.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	65	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	A00,A01,D01,D07	2018
5	Nhân văn		40				
5.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	40	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	A00,A01,D01,D07	2022
6	Khoa học xã hội và hành vi		355				
6.1	Kinh tế đầu tư	7310104	200	184/QĐ-ĐHKQTĐ	24/02/2016	A00,A01,D01,D07	1994
6.2	Kinh tế phát triển	7310105	155	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	A00,A01,D01,D07	1961
7	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		100				
7.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	50	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	A00,A01,D01,D07	1989
7.2	Quản trị khách sạn	7810201	50	6037/QĐ-BGDĐT-	29/11/2011	A00,A01,D01,D07	2022
8	Môi trường và bảo vệ môi trường		65				
8.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	65	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	A00,A01,D01,D07	2022

Ghi chú:

- Chỉ tiêu của các ngành có thể được điều chỉnh giữa các ngành, nhóm ngành để đáp ứng nhu cầu đào tạo của người học và đơn vị liên kết nhưng không được vượt quá chỉ tiêu của lĩnh vực đó.

- Chỉ tiêu liên thông từ cao đẳng lên đại học tối đa bằng 20% tổng chỉ tiêu đại học Vừa làm vừa học theo từng ngành.

- Tổ hợp xét tuyển: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh); D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh); D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh).

2. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh**2.1. Thí sinh là đối tượng tốt nghiệp THPT:**

- Thí sinh có Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT;
- Có bằng tốt nghiệp THPT;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có minh chứng việc làm theo quy định;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2.2. Thí sinh là đối tượng tốt nghiệp Trung cấp trở lên:

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Riêng thí sinh tốt nghiệp Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề phải kèm theo giấy chứng nhận hoàn thành chương trình THPT.

3. Phạm vi tuyển sinh

Trường tổ chức tuyển sinh trong cả nước.

4. Phương thức tuyển sinh**4.1. Thí sinh là đối tượng tốt nghiệp THPT**

- Trường xét tuyển theo kết quả tổ hợp môn thi tốt nghiệp THPT sử dụng 04 tổ hợp xét tuyển (A00; A01; D01; D07),

Điểm xét tuyển (ĐXT) là tổng điểm theo kết quả tổ hợp môn thi tốt nghiệp THPT, sử dụng 04 tổ hợp (A00, A01, D01, D07) cộng (+) điểm ưu tiên (nếu có).

- Thí sinh dự tuyển được đăng ký nhiều nguyện vọng theo các ngành mà nhà trường thông báo và được xét lần lượt từng nguyện vọng theo thứ tự mà sinh viên đăng ký, khi thí sinh dự tuyển đã trúng tuyển theo nguyện vọng nào thì dừng ở nguyện vọng đó.

4.2. Thí sinh là đối tượng tốt nghiệp Trung cấp trở lên

Trường đồng nhất tuyển sinh (không xét riêng) đối với thí sinh đã có bằng tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên như thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông

- Trường xét tuyển theo kết quả học tập (bảng điểm) các cấp học từ Trung cấp trở lên của thí sinh;

- Thí sinh có điểm xét tuyển (theo thang 30) từng đối tượng. Cụ thể như sau:

+ Với thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp:

Điểm xét tuyển (ĐXT) = điểm trung bình chung học tập toàn khóa nhân (x) 3 cộng (+) điểm ưu tiên (nếu có).

+ Với thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng:

Điểm xét tuyển (ĐXT) = điểm trung bình chung học tập toàn khóa nhân (x) 3 cộng (+) 0,5 điểm cộng (+) điểm ưu tiên (nếu có).

+ Với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học:

Điểm xét tuyển (ĐXT) = điểm trung bình chung học tập toàn khóa nhân (x) 3 cộng (+) 1,0 điểm cộng (+) điểm ưu tiên (nếu có).

Ghi chú: Đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ Cao đẳng, điểm chuẩn được xét chung nhưng đảm bảo không được vượt quá chỉ tiêu tối đa bằng 20% tổng chỉ tiêu đại học VLVH theo ngành đó.

- Thí sinh dự tuyển được đăng ký nhiều nguyện vọng theo các ngành mà nhà trường thông báo và được xét lần lượt từng nguyện vọng theo thứ tự mà sinh viên đăng ký, khi thí sinh dự tuyển đã trúng tuyển theo nguyện vọng nào thì dừng ở nguyện vọng đó.

4.3. Điểm chuẩn xét tuyển:

Trường sẽ xét điểm chuẩn theo từng đợt tuyển sinh và từng địa phương tuyển sinh.

5. Ngưỡng đầu vào và điểm chuẩn xét tuyển:

Đối với xét tuyển theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT: thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT đáp ứng ngưỡng đầu vào là 20 (hai mươi) điểm gồm cả điểm ưu tiên (nếu có).

Điểm chuẩn tuyển sinh từng ngành đại học hình thức vừa làm vừa học không thấp hơn quá 03 (ba) điểm so với điểm chuẩn trúng tuyển ngành thấp nhất của đợt tuyển sinh liền kề trước đó của hệ chính quy.

6. Tổ chức tuyển sinh:

- Trường tổ chức tuyển sinh trong cả năm và trên cả nước;
- Địa điểm học tại Trường và tại các cơ sở đào tạo của đơn vị liên kết ở các địa phương;
- Có thông báo cụ thể riêng cho mỗi đợt/lần tuyển sinh theo ngành, chuyên ngành/chương trình đào tạo tại mỗi địa điểm tổ chức lớp học (tại Trường hoặc tại các địa phương);
- Hồ sơ dự tuyển cần đầy đủ và thí sinh phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ;
- Trường không hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh sau khi thí sinh đã nộp;
- Trường xét tuyển theo mức độ ưu tiên từ cao xuống thấp trong các nguyện vọng đã đăng ký. Nếu đã trúng tuyển nguyện vọng có ưu tiên cao hơn, thí sinh sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo.

- Quy mô tối thiểu để mở lớp ngành/chuyên ngành/chương trình đào tạo là 25 sinh viên, trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

7. Chính sách ưu tiên:

7.1 Ưu tiên theo thâm niên công tác

Thí sinh được hưởng ưu tiên theo thâm niên công tác. Cụ thể:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 không được cộng điểm ưu tiên theo thâm niên công tác;

- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 được cộng (+) 01 (một) điểm ưu tiên thâm niên công tác;
- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 được cộng (+) 02 (hai) điểm ưu tiên thâm niên công tác;
- Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2021 trở về trước được cộng (+) 03 (ba) điểm ưu tiên thâm niên công tác.

7.2 Ưu tiên đối với thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định

- Thí sinh có CCTAQT đạt IELTS 5.5 hoặc TOEFL iBT 46 (không gồm TOEFL IBT home edition) hoặc TOEIC (4 kỹ năng: L&R 785, S 160 & W 150) trở lên được cộng (+) 01 (một) điểm ưu tiên.

7.3 Ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;
- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1 điểm;
- Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.
- Từ năm 2024, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 điểm trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$

- Từ năm 2024, thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

8. Lệ phí xét tuyển

Thí sinh nộp phải nộp lệ phí xét tuyển theo mức quy định trong thông báo ngay khi nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

9. Học phí dự kiến và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Học phí theo ngành/chuyên ngành/chương trình và được thông báo từng học kỳ, năm học; năm học 2024 dự kiến 600.000đ/1 tín chỉ.

Lộ trình tăng học phí tối đa 10% cho từng năm và thực hiện theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Đợt 1 (thí sinh nộp hồ sơ từ 01/01 đến 30/6/2024)
- Đợt 2 (thí sinh nộp hồ sơ từ 01/7 đến 20/12/2024)
- Tùy theo tình hình thực tế sẽ có các đợt tuyển sinh bổ sung (có thông báo cụ thể).

11. Các nội dung khác

- Thông báo trúng tuyển được Trường công khai trên Cổng thông tin điện tử và báo cho thí sinh biết trước ngày nhập học 7 ngày.
- Quá thời hạn nhập học trong giấy báo nhập học, được xem là thí sinh từ chối nhập học.
- Thời gian học linh hoạt cả trong và ngoài giờ hành chính;
- Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ;
- Hình thức học kết hợp trực tiếp với trực tuyến;
- Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

Địa chỉ website: <http://neu.edu.vn/>; <http://khoataichuc.neu.edu.vn>

Hỗ trợ tư vấn tuyển sinh: <https://facebook.com/khoadaihoctaichuc.neu>

Hỗ trợ trực tiếp: Điện thoại 0886 193 399

Cán bộ kê khai



Trần Thị Nhung

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG KHOA ĐẠI HỌC TẠI CHỨC



PGS.TS Phạm Quang